ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 101 /QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 09 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Văn Dư.
Địa chỉ: Thôn Diêm Vân, xã Tuy Phước.
(*lần đầu*)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Xét Đơn khiếu nại của ông Mai Văn Dư ở thôn Diêm Vân, xã Tuy Phước;

Theo báo cáo của Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 1183/TTT-TTCN2 ngày 05 tháng 12 năm 2025 về kết quả kiểm tra, xác minh, rà soát hồ sơ vụ việc và Văn bản số 1388/TTT-TTCN2 ngày 31 tháng 12 năm 2025 về kết quả đối thoại và đề xuất giải quyết khiếu nại của ông Mai Văn Dư ở thôn Diêm Vân, xã Tuy Phước; với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại:

Yêu cầu giải quyết bồi thường diện tích 550m^2 đất ở nông thôn theo thực tế và 850m^2 diện tích đất nuôi trồng thuỷ sản; không đồng ý việc Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án chỉ bồi thường cho hộ gia đình ông 272m^2 đất ở (*thửa đất số 183, tờ bản đồ số 26, Bản đồ năm 2013*) và 687,7m^2 đất nuôi trồng thuỷ sản (*thửa đất số 184, tờ bản đồ 26, Bản đồ năm 2013*); đồng thời, yêu cầu xem xét lại đơn giá bồi thường đất nuôi trồng thủy sản, chi phí nâng nền lấp hồ, chi phí đắp đất đường đi và giao thêm 02 lô đất tái định cư cho gia đình ông để ổn định cuộc sống do ảnh hưởng giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng Kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư và Khu dân cư thuộc Khu Đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh, rà soát hồ sơ:

Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 28 (Bản đồ năm 1993), Sổ mục kê ghi chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị Trợ (*chết*), đất có nhà ở của bà Trợ hình thành trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, có con là ông Mai Văn Dư và bà Mai Thị Sáu cùng xây dựng nhà trên một thửa đất do bà Nguyễn Thị Trợ để lại. Đối với thửa đất số 202, tờ bản đồ 28 (*Bản đồ năm 1993*), loại đất mặt nước hoang chưa phân phối sử dụng, do Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận (*nay là xã Tuy Phước*) quản lý, hộ gia đình bà Nguyễn Thị Trợ sử dụng sau năm 1999 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.

Thực hiện Dự án xây dựng Kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư và Khu dân cư thuộc Khu Đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (*đợt 8 và đợt 10*) đối với hộ ông Mai Văn Dư tại Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 và

Quyết định số 3236/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2023; Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước phê duyệt Phương án tái định cư chi tiết (*đợt 5*) đối với hộ ông Mai Văn Dư tại Quyết định số 4377/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025.

1. Về thửa đất có nhà ở:

a. Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất:

- Theo Bản đồ năm 1993, tờ bản đồ số 28, số thửa 211, diện tích 244m^2, loại đất ở, Sổ mục kê ghi chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị Trợ.

- Theo Bản đồ năm 2013, tờ bản đồ số 26, số thửa 183, diện tích 341,2m^2, loại đất ở nông thôn (*ký hiệu ONT*), đăng ký tên chủ sử dụng là ông Mai Văn Dư.

- Nguồn gốc đất có nhà ở của bà Nguyễn Thị Trợ hình thành trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, theo Bản đồ đo đạc năm 2013, diện tích thửa đất tăng 97,2m^2. Trong đó tăng 28m^2 là do sai số đo đạc Bản đồ, còn lại 69,2m^2 là do lấn, chiếm đất mặt nước nuôi trồng thủy sản giao quyền sử dụng cho Nhân dân, có tục danh bờ Phan Văn Ba, thuộc thửa đất số 631A, tờ bản đồ 29, diện tích 29.500m^2 (*Hồ sơ địa chính năm 1993*), thời điểm sau ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, thực tế hộ sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

- Về nhân hộ khẩu: Hộ ông Mai Văn Dư đăng ký hộ khẩu tại thôn Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (*nay là xã Tuy Phước*).

- Về xây dựng nhà ở: Hiện trạng trên thửa đất số 183, tờ 26, hộ ông Mai Văn Dư (*vợ là bà Trương Thị Mến*) kê khai tài sản có 02 ngôi nhà gồm: *Nhà chính của ông Mai Văn Dư và nhà của bà Mai Thị Sáu xây dựng trên cùng thửa đất, hình thành từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993*. Trong quá trình sử dụng, hộ gia đình ông Mai Văn Dư có nâng cấp, sửa chữa do nhà cũ xuống cấp. Các vật kiến trúc khác hình thành theo thời gian sử dụng đất của hộ. Tổng diện tích nhà ở (*chưa tính công trình phụ*) xây dựng trên thửa đất là 145,5m^2 (*trong đó ông Dư là 106,60m^2, bà Sáu là 38,90m^2*). Trên phần diện tích đất hình thành từ sau ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 có xây dựng các công trình phục vụ đời sống.

b. Về giá trị bồi thường, hỗ trợ:

Bồi thường về đất ở (*đất hình thành và sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, tiếp giáp với đường rẽ nhánh rộng từ 2m đến < 5m*): 272,0m^2 x 4.000.000đ/m^2 = 1.088.000.000 đồng.

2. Về thửa đất nuôi trồng thuỷ sản:

a. Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất:

- Theo Bản đồ đo đạc năm 1993, tờ bản đồ 28, số thửa 202, diện tích 512m^2; Loại đất mặt nước hoang chưa phân phối sử dụng, do Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận (*nay là xã Tuy Phước*) quản lý.

- Theo Bản đồ đo đạc năm 2013, tờ bản đồ số 26, số thửa 184, diện tích sử dụng 687,7m^2, loại đất nuôi trồng thủy sản (*ký hiệu TSL*). Phần diện tích theo Bản đồ năm 2013 tăng thêm 175,7m^2 so với Bản đồ 1993 do sai số đo đạc.

- Nguồn gốc thửa đất hộ gia đình sử dụng sau năm 1999 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.

b. Về giá trị bồi thường, hỗ trợ:

- Giá trị bồi thường đất nuôi trồng thủy sản, hạng 3, vị trí 1: 687,7m^2 x 71.000 đ/m^2 = 48.826.700 đồng.

- Không thực hiện hỗ trợ do sử dụng đất do Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận (*nay là xã Tuy Phước*) quản lý.

3. Về đất tái định cư:

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Trợ (*chết*), con là ông Mai Văn Dư (*vợ là bà Trương Thị Mến*) bị thu hồi đất ở tại thửa đất số 211, tờ bản đồ số 28, Bản đồ năm 1993 với diện tích 341,2m^2 (*trong đó bao gồm 272m^2 đất ở nông thôn hộ sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 và 69,2m^2 hộ lấn chiếm đất mặt nước nuôi trồng thuỷ sản từ sau ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004*), đủ kiều kiện được xét giao đất tái định cư và nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh: "*Diện tích đất ở bị thu hồi nhỏ hơn hạn mức giao đất ở thì được giao 01 lô đất tái định cư nhưng không vượt hạn mức giao đất ở*". Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án lập Phương án tái định cư tổng thể (*đã được thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025*), theo đó hộ gia đình ông Mai Văn Dư có diện tích đất ở bị thu hồi 272m^2 nên được xét giao 01 lô đất tái định cư thuộc Khu tái định cư Diêm Vân với diện tích 200m^2, lộ giới đường 14m.

Hiện nay, Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước đã giao đất tái định cư, diện tích 200m^2 tại thôn Diêm Vân, xã Tuy Phước cho hộ bà Nguyễn Thị Trợ (*mẹ của ông Mai Văn Dư*) theo Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025, hình thức giao đất: *Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất*. Hộ gia đình ông Mai Văn Dư đã xây dựng nhà ở ổn định ở khu đất tái định cư nêu trên.

4. Kết quả kiểm tra, xác minh bổ sung:

Theo Văn bản số 1249/UBND-KT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước xác nhận như sau:

- Trước đây thửa đất số 184, tờ bản đồ số 26 thuộc một phần thửa đất số 489, tờ bản đồ 29 (*tục danh bờ Sở Tây Lớn*), do trong quá trình cải tạo sản xuất, phần diện tích này được đắp bờ ngăn và chia tách khỏi thửa đất, không còn khả năng nuôi thuỷ sản; sau đó bà Nguyễn Thị Trợ (*có nhà ở bên cạnh*) đã cải tạo, đắp thêm bờ ngăn để tận dụng thả nuôi thuỷ sản. Về đắp đất đường đi (*đắp bờ*) quanh thửa đất và chi phí tu bổ, cải tạo trong quá trình sử dụng đất, nhằm bảo vệ đất thửa đất nuôi trồng thuỷ sản thuộc trách nhiệm của người sử dụng đất.

- Sau khi đo đạc Bản đồ năm 2013, ông Mai Văn Dư tự ý đổ đất nâng nền toàn bộ thửa đất nhằm thay đổi mục đích sử dụng đất. Việc ông Mai Văn Dư tự ý đổ đất nâng nền trên phần diện tích thuộc thửa đất số 184, tờ bản đồ số 26 là hoạt động vi phạm pháp luật về đất đai. Thời điểm ông Mai Văn Dư đổ đất nâng nền sau ngày 01 tháng 7 năm 2014 trên phần diện tích đất nông nghiệp (*đất nuôi trồng thuỷ sản*); do đó, không được bồi thường hỗ trợ đối với chi phí đắp đất nâng nền theo quy định.

- Thực hiện Dự án Khu Đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân, có 71 trường hợp bị thiệt hại về đất có nguồn gốc sử dụng đất láng nước do Ủy ban nhân dân xã quản lý như trường hợp ông Mai Văn Dư, chỉ thực hiện bồi thường 01 lần giá đất theo Bảng giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

III. Kết quả đối thoại:

Thừa ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 7745/UBND-TD ngày 09 tháng 12 năm 2025, Chánh Thanh tra tỉnh đã chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức đối thoại với ông Mai Văn Dư vào ngày 18 tháng 12 năm 2025, kết quả như sau:

Tại buổi đối thoại, đại diện các cơ quan tham dự thống nhất với kết quả kiểm tra, xác minh và đề xuất giải quyết khiếu nại đối với ông Mai Văn Dư của Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 1183/TTT-TTCN2 ngày 05 tháng 12 năm 2025, theo đó:

- Về việc Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án lập Phương án bồi thường, hỗ trợ không đo đạc thực tế dẫn đến thắc mắc của người khiếu nại:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Quyết định 04/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh: "*Trường hợp đất không có Giấy tờ về quyền sử dụng đất thì căn cứ vào Bản đồ địa chính (nơi có Bản đồ) hoặc Bản đồ trích đo để xác định diện tích làm cơ sở cho việc bồi thường, hỗ trợ. Tổ chức làm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận nguồn gốc sử dụng đất cụ thể*".

Theo Bảng kiểm kê tổng hợp ngày 12 tháng 8 năm 2020 và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng ngày 15 tháng 8 năm 2023, hộ ông Mai Văn Dư đã thống nhất số liệu kiểm kê, giá trị bồi thường và đồng ý ký vào 02 Bảng nêu trên, không có ý kiến gì khác.

Như vậy, việc Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án lập Phương án bồi thường, hỗ trợ không đo đạc thực tế là đúng theo quy định tại theo khoản 5 Điều 4 Quyết định 04/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

- Về nội dung ông Mai Văn Dư khiếu nại yêu cầu bồi thường diện tích đất ở nông thôn theo thực tế là 550m^2:

Theo Văn bản số 997/UBND-KT ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ xác minh đơn khiếu nại của ông Mai Văn Dư, thể hiện:

Theo dẫn đạt của người khiếu nại, Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước và các ngành liên quan đã tiến hành cắm mốc thửa đất để đo đạc lại như sau: "*Kết quả cắm mốc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 26, có diện tích thực tế là 476,2m^2. Từ kết quả kiểm tra, xác minh thực tế, theo đo đạc hiện trạng tăng 135m^2 so với Hồ sơ địa chính năm 2013 là do quá trình sử dụng thửa đất có sự thay đổi ranh giới giữa thửa đất ở và đất nuôi trồng thuỷ sản nên có sự chênh lệc giữa phần tăng và phần*

giảm; đối với phần tăng với diện tích 157,4m^2 (trong đó tăng 80,2m^2 hộ lấn sang thửa đất nuôi trồng thủy sản thời điểm sau năm 2013; lấn đường đi 2,8m^2; hộ ông lấn mặt nước nuôi trồng thủy sản giao quyền sử dụng cho nhân dân tục danh bờ Phan Văn Ba 73,8m^2 thời điểm sau năm 2013 và sai số đo đạc 0,6m^2), đối với phần giảm với diện tích 22,4m^2 là do đo đạc xác định lại đúng ranh giới thửa đất ông Mai Văn Dư sử dụng so với Bản đồ 2013".

Như vậy, việc Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án lập Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đối với thửa đất ở của hộ ông Mai Văn Dư (*thửa đất số 211, tờ bản đồ số 28, Bản đồ năm 1993*) với diện tích 272m^2 (*gồm 244 m^2 theo Bản đồ 1993 và 28m^2 sai số đo đạc theo Bản đồ 2013*) là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung ông Mai Văn Dư khiếu nại yêu cầu bồi thường diện tích đất nuôi trồng thuỷ sản 850m^2:

Theo Văn bản số 997/UBND-KT ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ xác minh đơn khiếu nại ông Mai Văn Dư, thể hiện:

Theo dẫn đạt của người khiếu nại, Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước và các ngành liên quan đã tiến hành cắm mốc thửa đất để đo đạc lại:"*Kết quả cắm mốc thửa đất số 184, tờ bản đồ số 26 có diện tích thực tế là 559,7m^2. Từ kết quả kiểm tra, xác minh thực tế, theo đo đạc hiện trạng giảm 128m^2 so với Bản đồ năm 2013, cụ thể giảm 47,8m^2 là do đo đạc xác định lại đúng ranh giới thửa đất ông Mai Văn Dư sử dụng và giảm 80,2m^2 là do ông Mai Văn Dư lấn đất nuôi trồng thuỷ sản để sử dụng vào mục đích đất ở*".

Như vậy, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án lập Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đối với thửa đất nuôi trồng thủy sản của hộ ông Mai Văn Dư (*thửa đất số 202, tờ bản đồ số 28, Bản đồ năm 1993*) với diện tích 687,7m^2 (*gồm 512m^2 theo Bản đồ 1993 và 175,7m^2 sai số đo đạc theo Bản đồ 2013*) là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung ông Mai Văn Dư khiếu nại yêu cầu xem xét lại đơn giá bồi thường đối với thửa đất nuôi trồng thủy sản:

Việc Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án áp dụng đơn giá đất nuôi trồng thủy sản, hạng 3, vị trí 1 để bồi thường thửa đất số 202, tờ bản đồ số 28 (*Bản đồ năm 1993*) cho hộ ông Mai Văn Dư là đúng quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định 04/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Bảng giá số 4 kèm theo Quyết định 65/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (*2020 - 2024*) trên địa bàn tỉnh.

- Về nội dung ông Mai Văn Dư khiếu nại yêu cầu xem xét bồi thường chi phí nâng nền, lấp hồ; chi phí đắp đất đường đi của thửa đất nuôi trồng thủy sản:

Thửa đất nuôi trồng thủy sản số 202, tờ bản đồ số 28 (*Bản đồ năm 1993*), loại đất mặt nước hoang chưa phân phối sử dụng, do Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận (*nay là xã Tuy Phước*) quản lý, hộ gia đình bà Nguyễn Thị Trợ sử dụng sau năm 1999 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004. Trong quá trình sử dụng hộ gia đình nà Trợ tự ý đổ đất, nâng nền toàn bộ thửa đất nuôi trồng thủy sản. Do đó, nội

dung ông Mai Văn Dư khiếu nại yêu cầu xem xét bồi thường chi phí nâng nền, lấp hồ; chi phí đắp đất đường đi của thửa đất nuôi trồng thủy sản là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

- Về nội dung ông Mai Văn Dư khiếu nại yêu cầu xem xét giao thêm 02 lô đất tái định cư:

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 42 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Ủy bna nhân dân tỉnh về ban hành Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh: "*Diện tích giao đất ở cho mỗi lô đất tái định cư, vị trí giao đất ở cụ thể trong Khu tái định cư theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định phù hợp với quỹ đất tái định cư của dự án, thiết kế phân lô đất, mức độ diện tích đất ở bị thu hồi, vị trí thuận lợi của đất ở bị thu hồi của các hộ gia đình*", Tổ công tác đã lập Phương án tái định cư tổng thể và trình Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025. Theo đó, căn cứ vào diện tích đất ở bị thu hồi và quỹ đất tái định cư của dự án, thiết kế phân lô đất các hộ sẽ được phân thành 09 nhóm, làm cơ sở để giao đất; trường hợp hộ gia đình ông Mai Văn Dư thuộc nhóm B5 (*nhóm có diện tích đất thu hồi từ 250m^2 đến dưới 300m^2*) được giao 01 lô đất tái định cư với diện tích 200m^2; hộ ông Mai Văn Dư tham gia bốc thăm ngày 11 tháng 02 năm 2025, kết quả bốc thăm trúng lô số 9ĐC, diện tích 200m^2, Khu TDC6A thuộc Khu tái định cư Diêm Vân, tiếp giáp đường DS4 có lộ giới đường 14m (*có Biên bản bốc thăm*).

Như vậy, hộ ông Mai Văn Dư bị thu hồi đất ở tại thửa đất số 211, tờ bản đồ số 28 (Bản đồ năm 1993) với diện tích 341,2m^2 (*trong đó bao gồm 272m^2 đất ở nông thôn hộ sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 và 69,2m^2 hộ lấn chiếm đất mặt nước nuôi trồng thuỷ sản từ sau ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004*) nên được giao 01 lô đất tái định cư như trên là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 Quyết định 04/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định 37/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh. Do đó, việc ông Mai Văn Dư khiếu nại yêu cầu xem xét giao thêm 02 lô đất tái định cư là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

IV. Kết luận:

Qua xem xét nội dung đơn và kết quả kiểm tra, xác minh rà soát hồ sơ vụ việc, kết quả đối thoại; đối chiếu với các quy định của pháp luật, kết luận:

Không công nhận toàn bộ nội dung ông Mai Văn Dư khiếu nại yêu cầu giải quyết bồi thường diện tích 550m^2 đất ở nông thôn theo thực tế và 850m^2 diện tích đất nuôi trồng thuỷ sản; không đồng ý việc Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án chỉ bồi thường cho hộ gia đình ông 272m^2 đất ở (*thửa đất số 183, tờ bản đồ số 26, Bản đồ năm 2013*) và 687,7m^2 đất nuôi trồng thuỷ sản (*thửa đất số 184, tờ bản đồ 26, Bản đồ năm 2013*); đồng thời, yêu cầu xem xét lại đơn giá bồi thường đất nuôi trồng thủy sản, chi phí nâng nền lấp hồ, chi phí đắp đất đường đi và giao thêm 02 lô đất tái định cư cho gia đình ông để ổn định cuộc sống do ảnh hưởng giải

phóng mặt bằng Dự án xây dựng Kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư và Khu dân cư thuộc Khu Đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân; vì không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Mai Văn Dư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2478/QĐUBND ngày 07 tháng 7 năm 2023, Quyết định số 3236/QĐUBND ngày 30 tháng 8 năm 2023 và Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước phê duyệt tại Quyết định số 4377/QĐUBND ngày 24 tháng 6 năm 2025.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước tổ chức công bố và giao Quyết định này đến ông Mai Văn Dư trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định để thi hành.

Điều 3. Trong thời hạn Luật định, ông Mai Văn Dư không đồng ý với Quyết định này có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính ra Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước, Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và ông Mai Văn Dư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Tiếp công dân Trung ương;
- Chủ tịch và PCTTT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- CVP và PCVP-TH;
- Ban Tiếp công dân tỉnh;
- UBND xã Tuy Phước (02 bản);
- Lưu: T4, VT, HSVV-TD.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Nguyễn Tuấn Thanh